

BAN TUYỂN GIÁO TỈNH ỦY BÌNH PHƯỚC

TÀI LIỆU
CHUYÊN ĐỀ NĂM 2024
HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG,
ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH
về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; quan tâm chăm lo
đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc
tỉnh Bình Phước

(Tài liệu dùng cho sinh hoạt chi bộ,
mặt trận và các đoàn thể, cơ quan, đơn vị năm 2024)

Bình Phước, tháng 3/2024

LỜI NÓI ĐẦU

Tiến bộ, công bằng xã hội là mục tiêu, là động lực của phát triển bền vững đất nước, thể hiện bản chất tốt đẹp, nhân văn của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã và đang xây dựng. Việc thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội cũng góp phần bổ sung lý luận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Có thể nói, tiến bộ, công bằng xã hội là yếu tố gắn bó mật thiết với đời sống nhân loại trong mọi giai đoạn phát triển của lịch sử; đồng thời, là một trong những nội dung quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn khẳng định: công bằng, bình đẳng, tự do là giá trị đích thực của độc lập, là thước đo cao nhất những thành tựu đạt được trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Khi còn là một thanh niên, Hồ Chí Minh khát khao cháy bỏng tìm ra con đường đấu tranh cách mạng phù hợp để đưa đất nước thoát khỏi sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, xây dựng cuộc sống hòa bình, ấm no thực sự cho nhân dân.

Trả lời ký giả nước ngoài vào tháng 1/1946, Bác Hồ tâm niệm: *“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”*. Khát vọng cháy bỏng ấy chính là động lực thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Người đã sáng lập và rèn luyện Đảng ta trở thành đảng mác-xít chân chính, lãnh đạo Nhân dân đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc. Sau khi nước nhà đã giành được độc lập, với cương vị là Chủ tịch nước, Người hết sức chú trọng nhiệm vụ kiến quốc, chăm lo đời sống nhân dân. Trước lúc đi xa, Người còn căn dặn: *“Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân”*.

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị *“Về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*; trên cơ sở cụ thể hóa chuyên đề toàn khóa; xuất phát từ tình hình thực tế của tỉnh Bình Phước, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tiến hành biên soạn Chuyên đề năm 2024 với chủ đề *“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc tỉnh Bình Phước”*.

Chuyên đề dùng cho học tập, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể, cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị và được tuyên truyền rộng rãi ra Nhân dân trong tỉnh.

Nội dung chuyên đề, gồm 02 phần chính:

- *Phần thứ nhất*: Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và chăm lo đời sống nhân dân.
- *Phần thứ hai*: Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc tỉnh Bình Phước.

Xin trân trọng giới thiệu tài liệu đến các đồng chí!

BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY BÌNH PHƯỚC

Phần thứ nhất
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI
VÀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN

I. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI

1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về tiến bộ công bằng xã hội

Tiến bộ công bằng xã hội (CBXH) là mục tiêu, khát vọng của con người trong sự nghiệp đấu tranh, xây dựng và phát triển xã hội. Sinh thời, Hồ Chí Minh luôn khẳng định: công bằng, bình đẳng, tự do là giá trị đích thực của độc lập, là thước đo cao nhất những thành tựu đạt được trong sự nghiệp xây dựng CNXH. Khi còn là một thanh niên, Hồ Chí Minh khát khao cháy bỏng tìm ra con đường đấu tranh cách mạng phù hợp để đưa đất nước thoát khỏi sự thống trị của chủ nghĩa thực dân, xây dựng cuộc sống hòa bình, ấm no thực sự cho nhân dân. Qua những năm tháng bôn ba, trải nghiệm ở nhiều quốc gia và châu lục, Người nhận thức rằng, ở bất cứ nơi đâu cũng tồn tại sự thống trị, áp bức bóc lột của giai cấp thống trị và nỗi thống khổ của người dân lao động, nhất là ở các nước thuộc địa. Người dân bị đẩy vào tình trạng “hấp hối trong vòng tử địa”, họ không có quyền tự do, bình đẳng, “họ chỉ có nghĩa vụ như nộp sưu, đóng thuế, đi lính, đi phu mà không có quyền lợi”¹. Nhiều tác phẩm của Hồ Chí Minh như: Tâm địa thực dân, Vực thẳm thuộc địa, Công cuộc khai hóa giết người..., đã tố cáo, lên án chủ nghĩa thực dân, vạch trần cái gọi là “khai hóa văn minh” của chúng. Người viết: “Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột giết người, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn trang điểm cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng, v.v..”².

Vượt lên những nhà yêu nước tiền bối, đồng thời đứng vững trên lập trường mácxít, Hồ Chí Minh nhận thức rõ nguyên nhân sâu xa, chủ yếu nhất của tình trạng bất công, phi nhân tính trong xã hội thực dân là “vì một số ít người đã chiếm làm tư hữu những tư liệu sản xuất của xã hội”³ và dùng nó để chiếm đoạt công sức lao động của người khác. Do vậy, để có cuộc sống hạnh phúc cho nhân dân, các nước thuộc địa phải giành độc lập, tự do và xây dựng xã hội mới mà người dân có quyền làm chủ về mọi mặt của đời sống xã hội, được nắm quyền sở hữu tư liệu sản xuất, và đó chính là xã hội XHCN.

Theo Hồ Chí Minh, CBXH là một đặc trưng cơ bản, là mục tiêu và động lực của sự nghiệp xây dựng CNXH và xây dựng XHCN là phương thức và điều kiện tất yếu để thực hiện CBXH. “Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn

¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.219.

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.75.

³ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 203.

kết, âm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình và hạnh phúc”⁴. CBXH là việc giải quyết quan hệ phù hợp giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ, nguyên tắc phân phối thực hiện CBXH chính là nguyên tắc phân phối theo lao động: “Phân phối phải theo mức lao động. Lao động nhiều thì phân phối nhiều, lao động ít thì phân phối ít. Lao động khó thì được phân phối nhiều, lao động dễ thì được phân phối ít”⁵. Nguyên tắc phân phối này là điều kiện để bảo đảm cho mọi người có thể phát huy tối đa năng lực cống hiến cho xã hội mà trước tiên là cho bản thân và gia đình. Thực hiện phân phối công bằng sẽ khơi nguồn hứng khởi, kích thích tính sáng tạo của người lao động, giúp họ luôn hăng say, tích cực tạo ra nhiều của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Việc thực hiện CBXH tạo nên sự hài hòa, thống nhất trong tương quan lợi ích, quy tụ lòng người; tạo nên sự đồng thuận xã hội cùng hướng tới mục tiêu chung là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Đề cao CBXH, Hồ Chí Minh cũng phê phán tư tưởng cào bằng, bình quân chủ nghĩa. Theo Người, bình quân chủ nghĩa sẽ triệt tiêu động lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, trái với bản chất của chủ nghĩa xã hội: Không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ cũng công điểm như nhau, đó là chủ nghĩa bình quân, phải tránh chủ nghĩa bình quân⁶.

Để thực hiện CBXH, Hồ Chí Minh cho rằng: “Phải ra sức phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, lại phải phân phối cho công bằng, hợp lý, từng bước cải thiện việc ăn, mặc, ở, học, phục vụ sức khỏe và giải trí cho nhân dân”⁷.

Mặt khác, theo Người, thực hiện CBXH ở Việt Nam phải có sự quan tâm đặc biệt các đối tượng có công với cách mạng để họ có cuộc sống ổn định. Trong Di chúc, Người căn dặn, sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Đối với những người dũng cảm hy sinh một phần xương máu của mình,... Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm cách lo cho họ có nơi ăn, chốn ở yên ổn,... Đối với cha, mẹ, vợ con (của thương binh, liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu, thì chính quyền địa phương phải giúp đỡ họ có công việc làm ăn thích hợp, quyết không để họ đói rét⁸. CBXH cũng đòi hỏi phải giảm dần sự cách biệt giữa các vùng, miền trong cả nước, phải chú ý xem xét khi phân phối nguồn lực đầu tư cho các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, nhằm giảm bớt sự mất cân đối giữa vùng phát triển và chậm phát triển.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về CBXH có giá trị khoa học và nhân bản sâu sắc, là sự kế thừa và phát triển những tư tưởng tiên bộ về CBXH, dưới ánh sáng thế giới quan phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và những giá trị căn cốt của truyền thống văn hóa và đạo lý dân tộc, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn, là cơ sở, kim chỉ nam cho hoạt động cách mạng của toàn Đảng và toàn dân ta trong công cuộc xây dựng xã hội mới, công bằng, dân chủ, văn minh.

⁴ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.416.

⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.185.

⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.410.

⁷ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.482.

⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.616.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ công bằng xã hội trong giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội được hình thành và phát triển gắn liền với mục tiêu giải phóng dân tộc, giành lại cho nhân dân Việt Nam quyền sống đích thực của con người; đồng thời, góp phần cùng nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tự do, bình đẳng và tiến bộ của cả xã hội loài người. Bởi vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội, mà cốt lõi là quan điểm công bằng về cơ hội phát triển, không chỉ là tiền đề tạo ra cơ hội và động lực phát triển cho mỗi con người, mà cho cả dân tộc Việt Nam nói riêng, các dân tộc thế giới nói chung. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: *“Chẳng những Việt Nam phải đấu tranh giành lấy độc lập dân tộc cho chính mình, mà còn phải gánh vác trách nhiệm một phần trong sự nghiệp mưu cầu hòa bình cho toàn thế giới”*.

Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc, trực tiếp chứng kiến tất cả những gì diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội của các nước trên thế giới mà Người từng đặt chân đến, cũng như qua nghiên cứu tình hình cụ thể của xã hội Việt Nam ở giai đoạn trước cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra kết luận: *“Dưới sự thống trị của đế quốc và phong kiến, nhân dân chỉ có nghĩa vụ, như nộp sưu đóng thuế, đi lính đi phu mà không có quyền lợi”*⁹.

Trên thực tế, công nhân và nông dân là lực lượng chủ yếu sáng tạo nên của cải vật chất cũng như tinh thần trong xã hội, nhờ có sức lao động của họ, mà xã hội mới tồn tại, phát triển. Song, có một sự vô lý và bất công là, những người lao động thì suốt đời nghèo khổ, trong khi một số người không lao động thì lại “ngồi mát ăn bát vàng”, chuyên cướp đoạt sản phẩm lao động của người khác.

Chứng kiến Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917) vĩ đại thắng lợi và những thành quả giai đoạn đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước Nga Xô-viết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đến kết luận quan trọng: *“Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dài ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”*¹⁰.

Với tầm tư duy sâu sắc trong nhận thức về lực lượng to lớn của cách mạng giải phóng dân tộc, cùng với cách mạng thế giới để giành lại quyền bình đẳng, tự do và dân chủ, mà thực chất chính là công bằng về cơ hội của sự giải phóng và phát triển cho mọi dân tộc bị áp bức trên thế giới, trong đó có Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: *“Tất cả dân cày, người thợ trong thế giới bất kỳ nước nào, nòi nào đều liên hợp nhau lại như anh em một nhà, để đập đổ tất cả tư bản trong thế giới, làm*

⁹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.8, tr.264.

¹⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 1, tr. 496

cho nước nào, dân nào cũng được hạnh phúc, làm cho thiên hạ đại đồng - ấy là thế giới cách mệnh”¹¹.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng và phát triển con người ngày càng toàn diện, với hệ giá trị về bình đẳng, tự do và dân chủ, chính là tiền đề của công lý, của công bằng xã hội, mà cốt lõi là công bằng về cơ hội phát triển. Người đã nói một cách sâu sắc về ham muốn, mục tiêu cách mạng của mình: *“Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁽¹²⁾*. Trên cơ sở tiếp thu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh, giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định: *“Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”⁽¹³⁾*; và *“Chính nhờ cuộc cách mạng này mà cơ sở của quyền tự do chân chính và quyền bình đẳng thực sự đã được đặt ra cho loài người”⁽¹⁴⁾*.

Từ những đánh giá trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra nhận định, công bằng xã hội mà cốt lõi là công bằng về cơ hội phát triển với hệ giá trị về bình đẳng, tự do và dân chủ, thực sự chỉ có được trong chế độ xã hội mới dưới chế độ dân chủ cộng hòa. Người cho rằng: *“Nhân dân có nghĩa vụ, đồng thời có quyền lợi”¹⁵*. Trong điều kiện sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh: *“NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN CHỦ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”¹⁶*; *“Nhà nước ta ngày nay là của tất cả những người lao động. Vậy công nhân, nông dân, trí thức cách mạng cần nhận rõ rằng: Hiện nay, nhân dân lao động ta là những người làm chủ nước ta, chứ không phải là những người làm thuê cho giai cấp bóc lột như thời cũ nữa. Chúng ta có quyền và có đủ điều kiện để tự tay mình xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc cho mình. Nhân dân lao động là những người chủ tập thể của tất cả những của cải vật chất và văn hóa, đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”¹⁷*.

Nói cách khác, theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hệ giá trị về mục tiêu giải phóng con người, mà trước hết là giành độc lập, tự do, dân chủ và hạnh phúc cho nhân dân, chính là mục tiêu, tiền đề của công bằng xã hội với nội dung cốt lõi là công bằng về cơ hội phát triển. Đây cũng chính là điều kiện tiên quyết để mỗi con người được làm chủ vận mệnh của mình. Khi đất nước giành được độc lập, trên tinh thần của bản Hiến pháp đầu tiên trong lịch sử nước nhà, Chủ tịch Hồ Chí Minh một lần nữa khẳng định: *“Chính phủ cố gắng làm theo đúng ba chính*

¹¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.2, tr. 287

⁽¹²⁾ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.187.

⁽¹³⁾ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.1, tr.441.

⁽¹⁴⁾ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.2, tr.7.

¹⁵ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.264.

¹⁶ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.6, tr.232.

¹⁷ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.13, tr.66

sách: Dân sinh, Dân quyền và Dân tộc”⁽¹⁸⁾. Đó là xã hội mà nhân dân ngày càng sung sướng, hạnh phúc, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục, tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ; là xã hội ngày càng tiến bộ, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt. Một xã hội như vậy chỉ có thể là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, công bằng về cơ hội phát triển chính là nội dung cốt lõi của công bằng xã hội, của giá trị bình đẳng, tự do, dân chủ và hạnh phúc cho mỗi người dân, đồng thời là điều kiện và tiền đề của động lực và mục tiêu giành độc lập dân tộc, giải phóng và phát triển ngày càng toàn diện cho mỗi con người; qua đó cũng góp phần cùng nhân loại tiến bộ trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tự do, bình đẳng và tiến bộ của cả xã hội loài người.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiến bộ công bằng xã hội trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội

Khi nói đến công bằng xã hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường gắn với bình đẳng xã hội, mà trước hết là “bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”; song, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ thực chất là công bằng về cơ hội phát triển. Với quan niệm như vậy, Người yêu cầu tất cả những người lao động ngày nay đều phải nhận thức rõ mình là người chủ nước nhà và đã có quyền hạn làm chủ, thì phải làm trọn nghĩa vụ của người chủ - đó là cần kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhằm mục đích không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, trước hết là của nhân dân lao động.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm việc thực hiện sự bình đẳng giữa người với người trong mối quan hệ giữa thực hiện nghĩa vụ và hưởng thụ quyền lợi ấy lại chính là thực hiện công bằng về cơ hội phát triển. Việc thực hiện một chế độ phân phối công bằng, theo quan niệm của Người, chính là thực hiện nguyên tắc phân phối; trong đó, phần hưởng thụ ngang bằng với mức độ đóng góp, cống hiến của từng cá nhân, chứ hoàn toàn không phải là sự ngang bằng về hưởng thụ giữa các cá nhân, mà không tính đến sự cống hiến của từng người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh tiến bộ, công bằng xã hội với cốt lõi là công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ, công bằng về cơ hội phát triển, mà thực chất là bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, là một mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới.

Người nói khái quát nhưng sâu sắc: “*Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ*”⁽¹⁹⁾; “*chủ nghĩa xã hội là lấy nhà máy, xe lửa, ngân hàng... làm của chung. Ai làm nhiều thì ăn nhiều, ai làm ít thì ăn ít, ai không làm thì không ăn, tất nhiên là trừ những người già cả, đau yếu và trẻ con. Thế ta đã đến đấy chưa? Chưa đến. Chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần. Ở nông thôn phải có tổ đổi công để tăng gia sản xuất rồi tiến lên hợp tác xã, tiến lên*

⁽¹⁸⁾ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.4, tr.491.

⁽¹⁹⁾ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.37

nông trường”⁽¹⁷⁾. Ở đây, Người nhấn mạnh sự *ngang bằng* về địa vị làm chủ nước nhà, làm chủ tư liệu sản xuất của mỗi người, là cơ hội phát triển của mỗi người do chế độ xã hội mới tạo ra, bảo đảm cho mỗi người đều có thể phát huy mọi khả năng của mình để cùng vươn tới một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Người yêu cầu tất cả những người lao động phải nhận thức rõ mình là người chủ nước nhà và đã có quyền hạn làm chủ, thì phải *làm trọn nghĩa vụ của người chủ* - đó là cần kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh phát huy tinh thần đồng cam cộng khổ, đùm bọc, tương thân tương ái, đoàn kết, hợp tác vì mục tiêu xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc; kiên quyết chống lại sự đồng nhất tinh thần đồng cam cộng khổ với chủ nghĩa bình quân. Người nói: “*Đồng cam cộng khổ là một tinh thần cần phải có, nhưng nếu bình quân chủ nghĩa thì lại không đúng. Bình quân chủ nghĩa là gì? Là ai cũng như ai, bằng hết. Ví dụ như Bác yếu chỉ ăn ba bát cơm, chú khỏe cần nhiều hơn mà cũng ăn ba bát, chú lùn cũng đòi may áo dài, Bác cao hơn cũng mặc áo dài như chú. Bình quân chủ nghĩa là trái chủ nghĩa xã hội, thế là không đúng*”⁽²⁰⁾.

Những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc thực hiện công bằng xã hội với cốt lõi ở việc thực hiện công bằng về cơ hội phát triển thông qua việc phát huy cao nhất khả năng, sức mạnh của mỗi người, cùng tham gia xây dựng một cuộc sống mới, từng bước vươn tới xã hội cộng sản - một xã hội trong đó “*Mọi người làm hết tài năng; ai cần dùng gì có lấy*”⁽²¹⁾.

4. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống nhân dân

4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống nhân dân

Trong Bản Di chúc lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn Đảng, Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội phải không ngừng chăm lo nâng cao đời sống nhân dân. Đây là nỗi niềm trăn trở khôn nguôi trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng đầy gian khổ, hy sinh mà vô cùng vĩ đại của Người.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò của quần chúng nhân dân là một nội dung rất quan trọng. Trong *Di chúc*, Người viết: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất trung thành với Đảng”²². Với Người, nhân dân chính là cội nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam khi được tập hợp, đoàn kết thành một khối vững chắc.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, vấn đề nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân có điều kiện để hiện thực hóa. Ngày 3/9/1945, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ cách mạng, Bác Hồ đã xác định 6 nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ là: giải quyết nạn đói; xóa nạn mù chữ; thực hiện tổng tuyển cử theo chế độ phổ thông đầu

⁽²⁰⁾ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.10, tr.583.

⁽²¹⁾ Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.8, tr.291.

²² Hồ Chí Minh: toàn tập, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2011, t.15, tr.612

phiếu; giáo dục lại Nhân dân bằng cách thực hiện CẦN, KIỂM, LIÊM, CHÍNH, xóa bỏ những tệ nạn xấu xa thời thực dân phong kiến để lại; bỏ những thứ thuế vô nhân đạo, cấm hút thuốc phiện; thực hiện tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết. Đó thực chất chính là những biện pháp cấp bách nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đặc biệt là những người lao động.

Một tháng sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức dùng cụm từ “*nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân*” khi nhắc nhở các cán bộ trong chính quyền cách mạng: “*Phải chú ý giải quyết hết các vấn đề đau khổ đến đâu mặc lòng, những vấn đề quan hệ tới đời sống của dân. Phải chấp đơn, phải xử kiện cho dân mỗi khi người ta đem tới. Phải chăm lo việc cứu tế nạn nhân cho chu đáo, phải chú ý trừ nạn mù chữ cho dân. Nói tóm lại, hết thảy những việc có thể nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của dân phải được ta đặc biệt chú ý*”²³.

Bác Hồ cho rằng, sau khi đã tranh được độc lập rồi thì vấn đề kiến quốc là hết sức quan trọng. Vì vậy, cùng với chỉ đạo kháng chiến, Người tập trung vào nhiệm vụ kiến quốc. Kháng chiến và kiến quốc gắn bó chặt chẽ với nhau. Muốn kháng chiến thành công thì phải có sức dân, lòng dân. Muốn có sức dân, lòng dân thì phải chăm lo đời sống của dân.

Trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn căn dặn Đảng, Nhà nước về kế hoạch xây dựng lại thành phố và làng mạc đẹp đẽ, làng hoàng hơn trước chiến tranh; khôi phục và mở rộng các ngành kinh tế; phát triển công tác vệ sinh, y tế; sửa đổi chế độ giáo dục cho phù hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân; củng cố quốc phòng, chuẩn bị mọi việc để thống nhất Tổ quốc. Đặc biệt, Người còn đề cập đến một khối cư dân đông đảo, một đội quân cùng với giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức làm nên cốt lõi và chủ lực của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đó là nông dân. Người viết: “*Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và Chính phủ ta, ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi, đẩy mạnh sản xuất*”²⁴. Những công việc trên đây là: “*rất to lớn, nặng nề, và phức tạp, mà cũng là rất vẻ vang. Đây là một cuộc chiến đấu chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi. Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục toàn dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân*”²⁵.

4.2. Đạo đức Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống nhân dân

Là chiến sĩ cách mạng đấu tranh không mệt mỏi cho tự do, hạnh phúc của Nhân dân, Bác Hồ nhiều lần khẳng định: “*làm cán bộ tức là suốt đời làm đầy tớ*

²³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 51-52.

²⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 617.

²⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 617

trung thành của Nhân dân. *Mấy chữ a,b,c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được*²⁶.

Về tư cách người đảng viên, lãnh đạo, Người chỉ rõ: “*Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: Mình vào Đảng để làm đày tớ cho Nhân dân. Bác nhấn mạnh: Làm đày tớ Nhân dân chứ không phải làm “quan” Nhân dân*²⁷, không ra lệnh, ra oai, không làm quan cách mạng. Quan điểm “*mỗi đảng viên và cán bộ phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đày tớ thật trung thành của Nhân dân*” cần được hiểu đích cuối cùng là phục vụ Nhân dân. Bởi vì, “*lãnh đạo là làm đày tớ Nhân dân và phải làm cho tốt*”²⁸. Người giải thích chế độ dân chủ và Đảng lãnh đạo rất rõ ràng: “*Chế độ ta là chế độ dân chủ, nghĩa là Nhân dân làm chủ. Đảng ta là Đảng lãnh đạo, nghĩa là tất cả các cán bộ, từ Trung ương, đến khu, đến tỉnh, đến huyện, đến xã, bất kỳ ở cấp nào và ngành nào - đều phải là người đày tớ trung thành của Nhân dân*”²⁹.

Để thực hiện tốt việc chăm lo đời sống nhân dân, Người yêu cầu phải tẩy sạch bệnh quan liêu mệnh lệnh. Bởi vì nguyên nhân của bệnh ấy là do nhiều cán bộ ta xa dân, nên không hiểu biết tâm lý, nguyện vọng của dân. Khinh dân, cho là “*dân ngu khù đen*”, bảo sao làm vậy, không hiểu được chính trị, lý luận cao xa như mình, cho dân là dốt không biết gì, mình là thông thái tài giỏi.

Trên cơ sở thẩm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và truyền thống dân tộc, Bác Hồ chỉ rõ, toàn bộ sức mạnh là ở nơi dân. Không có lực lượng Nhân dân, thì việc nhỏ mấy, dễ mấy làm cũng không xong, có lực lượng Nhân dân, thì việc to mấy, khó mấy làm cũng được. Người phê phán những cán bộ, đảng viên sợ Nhân dân phê bình mình, họ không hiểu biết Nhân dân, họ quên rằng Nhân dân cần trông thấy lợi ích thiết thực, không thể lý luận suông, chính trị suông. “*Không yêu thương Nhân dân, họ chỉ biết đòi hỏi Nhân dân, không thiết thực giúp đỡ Nhân dân, thậm chí có nơi cán bộ lừa phỉnh dân, dọa nạt dân*”³⁰.

Từ thực tế trên, Bác Hồ yêu cầu mỗi cán bộ, đảng viên: “*Đặt lợi ích của Đảng và của Nhân dân lao động lên trên, lên trước lợi ích riêng của cá nhân mình. Hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân. Vì Đảng, vì dân mà đâu tranh quyền mình, gương mẫu trong mọi việc*”³¹. Người cách mạng phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, để hết lòng hết sức đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, ngoài lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng ta không có lợi ích gì khác. Phận sự của đảng viên và cán bộ là phải tổ chức Nhân dân, lãnh đạo Nhân dân để giải phóng Nhân dân và nâng cao sinh hoạt, đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa cho Nhân dân. Chăm lo đời sống nhân dân là sứ mệnh của Đảng ngay từ khi

²⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 670.

²⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 292.

²⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 292.

²⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 13, tr. 83-84.

³⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 176-177.

³¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 603.

ra đời. “Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc giàu mạnh, đồng bào sung sướng”³².

Chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho Nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc. Nêu câu hỏi mục đích của chủ nghĩa xã hội là gì?, Người trả lời: “Nói một cách giản đơn và dễ hiểu là: *Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân*, trước hết là Nhân dân lao động”³³. Từ mục tiêu tổng quát, Người diễn đạt thành những tiêu chí cụ thể: “*Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho Nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xóa bỏ... Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội*”³⁴.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Người không chỉ ra vào chốn tù tội, xông pha hiểm nghèo, ẩn nấp nơi núi non vì mục đích phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của Nhân dân, mà Người còn lo toan đến tương, cà, mắm, muối cho dân. Người dạy cán bộ, đảng viên tu dưỡng đạo đức không chỉ ở những việc lớn, mà phải quan tâm đến cuộc sống hằng ngày của Nhân dân, từ cái ăn, cái mặc, đi lại, học hành, việc làm, chữa bệnh... Phải biết tiết kiệm từng đồng tiền, hạt gạo của dân. Người cho rằng khi đất nước còn khó khăn, Nhân dân còn thiếu thốn thì Chủ tịch nước mặc áo vá là có phúc cho dân tộc. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đất nước phải trải qua nạn đói khủng khiếp, Hồ Chí Minh chủ trương tăng gia sản xuất, mỗi người mười ngày nhịn ăn một bữa để góp gạo cứu đói và Người cũng đổ lon gạo của mình vào hũ tiết kiệm như mọi người dân.

4.3. Phong cách Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống nhân dân

Bác Hồ kính yêu của chúng ta là con người sinh ra từ Nhân dân, sống giữa lòng dân và cuối đời lại mong muốn trở về với Nhân dân, làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, trẻ em chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi. Người thường nói không có Nhân dân thì không có Bác. Vì thế, trái tim Bác luôn hòa cùng nhịp đập, tâm hồn luôn xót xa trước thân phận của những người cùng khổ, của Nhân dân.

Người luôn luôn coi Nhân dân là chủ, giữ địa vị cao nhất, còn mình chỉ là người đầy tớ trung thành của Nhân dân, phục vụ Nhân dân. Khi được Quốc hội giao giữ vị trí Chủ tịch Chính phủ, Người coi việc “phải gánh chức Chủ tịch là do đồng bào ủy thác”, đảm trách nhiệm vụ Chủ tịch là thực hiện mệnh lệnh của Tổ quốc và Nhân dân. Vì vậy, khi nào “đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui”. Đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* đến giữa chừng, Người dừng lại hỏi: “*Tôi nói đồng bào nghe rõ không?*”; thật bất ngờ nhưng cũng thật dễ hiểu, vì đó là bản tính bình dị, hồn nhiên của Người luôn đề cao đồng bào, không đặt mình đứng trên Nhân dân.

³² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 289.

³³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 13, tr. 30.

³⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 13, tr. 438.

Với quan điểm “dân dĩ thực vi thiên”, nghĩa là dân lấy ăn làm trời, và “có thực mới vực được đạo”, nghĩa là không có ăn thì chẳng làm được việc gì cả. Trong sự nghiệp kiến thiết nước nhà, Người cho rằng “hễ còn có một người Việt Nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ”³⁵. Người nói: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu cực khổ là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”, Người biến tình thương thành trách nhiệm của bản thân.

Năm 1969, khi tiếp nhà báo Marta Rojas (báo Granma - cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Cuba), Bác đã tâm sự: “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi. Tôi nghĩ rằng, tôi chưa làm tròn nghĩa vụ cách mạng của tôi đối với đồng bào miền Nam. Mặc dù vậy, tôi biết rằng, đồng bào miền Nam vẫn yêu quý tôi như tôi yêu quý đồng bào. Ở miền Nam, tôi không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh mà là Bác Hồ”.

Là người luôn gương mẫu, nói đi đôi với làm, Bác Hồ nhắc cán bộ, đảng viên rằng, “gần dân” thì phải tăng cường tiếp xúc với dân. Đặc biệt, khi đi thăm dân, Người không muốn tiệc tùng tốn kém theo kiểu “khách ba, chủ nhà bảy” để mang tiếng với dân, Người cũng phê bình việc liên hoan chè chén, lu bù còn phổ biến ở nhiều địa phương, như bắt đầu cấy cũng liên hoan, cấy xong cũng liên hoan, rồi huyện về điều tra cũng liên hoan, tiễn cán bộ huyện đi cũng liên hoan, cải tiến cũng liên hoan, nghe nói họp bàn về tiết kiệm cũng liên hoan mấy con lợn... Bác thường kể câu chuyện “*có nơi Bác về thăm, cán bộ làm thịt cả một con bò và bảo rằng “để chiêu đãi Hồ Chủ tịch”*; thế là họ “*ăn*” cả Hồ Chủ tịch. Phải tích cực sửa chữa”³⁶.

Suốt đời vì nước, vì dân, trước lúc đi xa, trong *Di chúc*, Người còn căn dặn: “*Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của Nhân dân*”³⁷. Người lưu ý thực hiện những nhiệm vụ của thời hậu chiến, tức là sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta giành được thắng lợi, đó là: “*Đầu tiên là công việc đối với con người*”³⁸. Đây là những lời dặn dò thể hiện tình nhân ái bao la, chủ nghĩa nhân văn trong sáng, sự biểu cảm của tư duy người cách mạng suốt đời hết lòng, hết sức chăm lo đời sống của tất cả mọi người, đặc biệt là những đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội.

³⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 402.

³⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 527.

³⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 612.

³⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 15, tr. 616.

II. VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI HIỆN NAY

1. Quan điểm của Đảng về thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

Có thể nói, tiến bộ, công bằng xã hội là yếu tố gắn bó mật thiết với đời sống nhân loại trong mọi giai đoạn phát triển của lịch sử³⁹; đồng thời, là một trong những nội dung quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hiện nay, việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội là chủ trương lớn của Đảng, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa trong tiến trình cách mạng Việt Nam, vừa là mục tiêu, nhiệm vụ trong thực tiễn, vừa là động lực then chốt của sự phát triển; bảo đảm mọi thành viên xã hội được hưởng thụ tương xứng với những kết quả đóng góp trong lao động, cũng như kiến tạo sự bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội, nguồn lực để mỗi cá nhân có thể phát triển. Tiến bộ, công bằng xã hội, do đó, là trụ cột của sự phát triển bền vững.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ đất nước, Đảng ta luôn nhất quán quan điểm đặt con người ở vị trí trung tâm; do đó, việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội luôn được nghiên cứu, cụ thể hóa trong từng chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục nhận thức và giải quyết tốt mối quan hệ lớn giữa *tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường*. Mặt khác, tiến bộ, công bằng xã hội còn hàm chứa nội dung bảo đảm cuộc sống ấm no, ổn định của mọi thành viên trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, đặc biệt là những người yếu thế, nhóm xã hội có đời sống còn nhiều khó khăn; thực hiện an sinh xã hội theo phương châm “không để ai bị bỏ lại phía sau” gắn với chủ trương: “Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, chính sách phân phối và phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội, chăm lo cải thiện đời sống mọi mặt của nhân dân, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo”⁴⁰.

Trong quá trình phát triển đất nước, nhằm bảo đảm vừa tăng trưởng kinh tế, vừa thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, Đảng ta xác định: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội”. Đây là nguyên tắc phân phối công bằng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn cho thấy, việc thực hiện các nguyên tắc phân phối ngày càng công bằng này đã huy động mọi nguồn lực cho sản xuất, đó là một trong những cơ sở quan trọng của sự tăng trưởng kinh tế nhanh. Đây cũng chính là thể hiện tính ưu việt về thực hiện công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

³⁹ Xem: Đoàn Trường Thọ: *Quyền con người trong tiến bộ xã hội*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2018, tr. 9

⁴⁰ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr. 269

Đại hội III (năm 1960) và Đại hội IV (năm 1976), Đảng ta đã đặt mục tiêu “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa hội”, Đại hội VI (năm 1986) của Đảng, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với việc giải quyết các mục tiêu xã hội nhằm bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội được đặt ra: “Trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng những mục tiêu xã hội lại là mục đích của các hoạt động kinh tế”⁴¹; do đó, cần “thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁴².

“Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” (1991) nêu lên 6 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng, trong đó nhấn mạnh: Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu... Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân”.

Đại hội VII (năm 1991), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 đã xác định: “Tăng trưởng kinh tế, gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường”. Đại hội VIII (năm 1996) nhấn mạnh: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái”. Đại hội IX (năm 2001), Đại hội X (năm 2006) tiếp tục khẳng định quan điểm: “Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường”. Đến đại hội XI (năm 2011), sự phát triển nhanh và bền vững trở thành yêu cầu xuyên suốt, đồng thời, chỉ rõ tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường⁴³. Năm 2016, Đại hội XII của Đảng có nhiều bước phát triển mới về nhận thức, quan điểm, khi khẳng định: “Phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc); giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường”⁴⁴.

Đến Đại hội XIII (năm 2021), Đảng ta chỉ rõ cần tập trung “ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách nhằm tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng”⁴⁵; chú trọng xây dựng thể chế, pháp luật và khuyến khích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, đồng thời, “phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường”⁴⁶; thúc đẩy phát triển các mô hình kinh doanh mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các loại hình doanh nghiệp,... góp phần bảo đảm tiến bộ, công bằng trong tiếp cận các nguồn lực để phát triển kinh tế; từ đó, tạo

⁴¹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986, tr. 86

⁴² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Sđd, tr. 86

⁴³ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 21

⁴⁴ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sđd, tr. 87

⁴⁵ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 203

⁴⁶ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd, t. I, tr. 132

cơ sở, điều kiện để thực hiện tiến bộ, công bằng về khía cạnh xã hội ở từng giai đoạn cụ thể.

Nhất quán tư tưởng đó, trong các kỳ Đại hội, Đảng tiếp tục khẳng định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, song trong quá trình phát triển đó, con người vừa là trung tâm chiến lược, vừa là mục tiêu, động lực của sự phát triển: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người”; “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân”.

Trong tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng một lần nữa nhấn mạnh mục tiêu mang giá trị cao đẹp, nhân văn: “Xây dựng Chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất”; “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội... Chúng ta cần sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai, chứ không phải để khai thác, chiếm đoạt tài nguyên, tiêu dùng vật chất vô hạn độ và huỷ hoại môi trường”.

Quan điểm của Tổng Bí thư là minh chứng hiện thực, sinh động, xoay quanh giá trị trung tâm không gì khác ngoài sự phát triển vì con người. Đây chính là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội, cũng là mục tiêu, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta lựa chọn. Tổng Bí thư còn nhấn mạnh: "Một đặc trưng cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường là... tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển". Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không "hy sinh" tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần". Điều này càng làm sáng tỏ hơn mục tiêu vì con người mà Đảng, nhân dân ta hướng tới. Mục tiêu đó khác biệt về chất của sự phát triển kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa.

Đến nay, đất nước chuyên mình bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường mở rộng kinh tế đối ngoại,... nhằm nâng cao tiềm lực kinh tế quốc gia, gia tăng thu nhập bình quân đầu người, bảo đảm tốt các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội,... Chính vì vậy, việc thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội ở Việt Nam đạt được nhiều thành tựu, như kinh tế tăng trưởng nhanh, chất lượng được cải thiện; quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm; văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ được nâng cao; môi trường sinh thái được quan tâm, bảo vệ; con người có điều kiện hơn để phát triển về thể chất, trí tuệ, đạo đức, nghề nghiệp,...

Bên cạnh đó, nhằm xây dựng đất nước ngày một giàu đẹp, văn minh và phát triển bền vững, cần bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội; cần xây dựng một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, chứ không phải cạnh tranh bất công “cá lớn nuốt cá bé” vì lợi ích vị kỷ của một số ít cá nhân và các phe nhóm⁴⁷; đồng thời, xác định rõ “đặc trưng cơ bản, một thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường ở Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước, từng chính sách và trong suốt quá trình phát triển. Điều đó có nghĩa là: không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần”⁴⁸. Đó cũng là những giá trị đích thực của chủ nghĩa xã hội.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chăm lo đời sống nhân dân đã được Đảng và Nhà nước ta vận dụng, cụ thể hóa trong Hiến pháp, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, 05 năm và kế hoạch hằng năm; thể hiện trong từng chế độ, chính sách phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, xã hội của đất nước, vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội, mà cốt lõi là quan điểm công bằng về cơ hội phát triển, tiếp tục định hướng cho đường lối phát triển của Việt Nam, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Quan điểm của Đảng về động lực và mục tiêu phát triển đất nước luôn dựa trên cơ sở kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng xã hội. Cùng với sự tổng kết quá trình phát triển đất nước qua gần 40 năm đổi mới cả về lý luận và thực tiễn, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng ta khái quát: “Gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy nhân tố con người, lấy nhân dân làm trung tâm; phát huy vai trò của văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển”.

Nhằm thực hiện công bằng về cơ hội phát triển, Đảng ta luôn nhấn mạnh về mục tiêu “kép” của công bằng xã hội, cả về phương diện hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội, đều tập trung cho mục tiêu phát triển con người. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn, vấn đề con người là hết sức quan trọng. Nhà máy cũng rất cần có thêm,

⁴⁷ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr. 21

⁴⁸ Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, *Sđd*, tr. 27

có sớm, nhưng cần hơn là con người,... phải làm cho quần chúng hiểu chủ nghĩa xã hội đúng hơn, phải quan tâm đến đời sống quần chúng và giáo dục quần chúng.

Để đạt được “mục tiêu kép” của công bằng về cơ hội phát triển, Đại hội XIII của Đảng không chỉ nhấn mạnh tới vai trò của Nhà nước, mà còn coi trọng: *“Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp tham gia hình thành và điều tiết các quan hệ kinh tế thị trường. Xử lý tốt những bất cập của cơ chế thị trường, bảo đảm phúc lợi và an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái”*.

Những nội dung về thực hiện công bằng xã hội được Đại hội XIII của Đảng đề cập cũng chính là quan điểm mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ từ rất sớm: *“Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”*. Đây cũng chính là cơ sở để chúng ta phấn đấu sớm hoàn thành các mục tiêu theo Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc, được Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: *“Phát triển vì con người, tạo điều kiện cho mọi người, nhất là trẻ em, nhóm yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, người di cư hòa nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện các chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, cùng phát triển”*.

Để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội, bảo đảm công bằng về cơ hội phát triển, cần: *“Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người. Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hòa”*.

Đồng thời, phải dự báo đúng xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội ở nước ta trong những năm tới, để từ đó xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước; đồng thời, xử lý hài hòa các quan hệ xã hội, kiểm soát sự phân tầng xã hội và xử lý kịp thời, hiệu quả các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

Đặc biệt, trên cơ sở gắn với mục tiêu phát triển toàn diện con người và lấy nhân dân làm trung tâm, Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: *“Gắn chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội, quan tâm lĩnh vực công tác xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Đổi mới cơ chế, huy động phân bổ và đa dạng hóa các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp dân cư, nhóm xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội phát triển, nhất là với lao động khu vực phi chính thức”*.

Có thể khẳng định, quan điểm Đại hội XIII của Đảng về thực hiện công bằng về cơ hội phát triển là sự kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp tục tập trung vào mục tiêu phát triển toàn diện con người và nhân dân làm trung tâm, trên cơ sở nhất quán lấy hiệu quả kinh tế của công bằng xã hội làm tiền đề để thực hiện công bằng về hiệu

quả xã hội. Những quan điểm cụ thể trong thực hiện công bằng xã hội với cốt lõi là công bằng về cơ hội phát triển, như: *“Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ - bền vững. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản. Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, triển khai có hiệu quả chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020 - 2030, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, miền, dân tộc”*, tiếp tục là sự khẳng định cho mục tiêu phát triển bền vững ở nước ta trong điều kiện mới.

Thực tế, các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước trong gần 40 năm đổi mới đã luôn hướng tới mục tiêu không ngừng *nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân*. Theo đó, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện; phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả tích cực; công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng... Chính phủ đề ra Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (giai đoạn 2016 - 2020) với số vốn từ ngân sách Trung ương là 41.449 tỷ đồng. Ngoài ra, Nhà nước còn bố trí 44.214 tỷ đồng để thực hiện chính sách giảm nghèo thường xuyên, hỗ trợ người nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng...; 70% người dân Việt Nam đã được bảo đảm về mặt kinh tế, trong đó, 13% thuộc tầng lớp khá giả theo chuẩn thế giới,... chính là những con số “biết nói”, góp phần từng bước đặt nền móng cho sự phát triển bền vững của Việt Nam trong tương lai.

Đặc biệt, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, vừa qua, Đảng, Chính phủ đã quyết định nhiều chính sách hỗ trợ dành cho đối tượng người nghèo, các hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội là những người có thu nhập thấp. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Lễ phát động toàn dân tham gia ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 kêu gọi các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước, đồng bào ta ở nước ngoài với tình cảm, trách nhiệm tích cực tham gia ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19. Qua đó không những bảo đảm cuộc sống của người dân, giúp họ khắc phục những khó khăn do đại dịch COVID-19 gây ra mà còn thể hiện chính sách đầy nhân văn của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, sự chăm lo kịp thời đối với người nghèo, người lao động mất việc, thể hiện được bản chất tốt đẹp của xã hội.

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định phấn đấu đến năm 2025, nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, cơ bản có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Điều này thể hiện khát vọng hướng tới tương lai của Đảng, cả dân tộc nhằm thực hiện thành công mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày một tốt hơn.

3. Những quan điểm của Đảng bộ tỉnh Bình Phước lãnh đạo thực hiện tiến bộ công bằng xã hội

Qua 27 năm tái lập, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước đều chủ trương, chỉ đạo phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân; triển khai thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước đối với dân tộc thiểu số, công tác an sinh xã hội; thực hiện tốt công tác đối ngoại nhân dân. Đảng bộ tỉnh Bình Phước qua các nhiệm kỳ đại hội đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu là:

- “Chú trọng việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc ít người. Đầu tư tôn tạo, giữ gìn các di tích lịch sử để giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ; nâng cao mức hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của nhân dân, tổ chức tốt các sinh hoạt văn hóa truyền thống; Thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số” (*Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VI, nhiệm kỳ 1997 -2000*).

- “Tập trung thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo, phát huy tốt nội lực trong nhân dân; tăng cường nguồn đầu tư của ngân sách Nhà nước, vận động đóng góp của toàn xã hội, tiếp tục thực hiện các phong trào đền ơn, đáp nghĩa” (*Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VII, nhiệm kỳ 2001-2005*).

- “Văn hóa xã hội có bước phát triển tốt tương xứng với sự phát triển kinh tế, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, bản sắc văn hóa dân tộc ngày càng được khẳng định; Đồng bào dân tộc được quan tâm tốt hơn, xây dựng nhà tình thương cho đồng bào dân tộc; mỗi thôn ấp xây dựng một nhà văn hóa cộng đồng.” (*Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2005 - 2010*).

- “Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách đã được các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và các tổ chức quần chúng thường xuyên quan tâm. Các chương trình đảm bảo an sinh xã hội được triển khai thực hiện có hiệu quả; công tác dân tộc tôn giáo có nhiều chuyển biến tích cực; thúc đẩy nhanh xây dựng hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội, đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số” (*Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010 - 2015*).

- “Thực hiện đồng bộ nhiều chính sách, giải pháp tạo việc làm, thu nhập cho người lao động. Triển khai thực hiện các chính sách dân tộc có chuyển biến tích cực. Các dự án đầu tư cơ bản đáp ứng về kết cấu hạ tầng thiết yếu vùng dân tộc, góp phần cải thiện đời sống của đồng bào” (*Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020*).

- Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định: Quan tâm đầu tư các lĩnh vực xã hội, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần xã hội. Trong đó, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực; vận động toàn xã hội tham gia với quyết tâm cao nhất cho công tác an sinh xã hội; xây dựng đề án phát triển kinh tế xã hội

trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; nâng cấp kết cấu hạ tầng giao thông, hệ thống điện, trường học, trạm y tế; nâng cao đời sống, tăng thu nhập, chăm lo việc học tập và sức khỏe cho đồng bào....”.

PHẦN II

QUAN TÂM CHĂM LO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CHO ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. NHỮNG CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

1. Những chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số

a) Giai đoạn 2010-2019

Đại hội XI (2011): “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số... thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tô quốc”.

Đại hội XII (2016): “Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, bảo đảm các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, đoàn kết, giải quyết hài hòa quan hệ giữa các dân tộc, giúp nhau cùng phát triển, tạo chuyển biến rõ rệt trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây duyên hải miền Trung”.

b) Giai đoạn 2021-2030

Đại hội XIII (2021): “Đảm bảo các dân tộc bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo sự chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng tính đặc thù của từng vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Có cơ chế thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều bền vững. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, người có uy tín tiêu biểu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc”.

Kết luận số 65-KL/TW ngày 10/10/2019 của Bộ Chính trị về công tác dân tộc trong tình hình mới đã đề ra các định hướng cơ bản về công tác dân tộc như sau:

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng về công tác dân tộc.

- Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm quốc phòng - an ninh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, phát huy thế mạnh của địa phương, phù hợp với văn hóa, tập quán từng dân tộc.

- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; chủ động nắm chắc tình hình, giải quyết những mâu thuẫn ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các "điểm nóng", "điểm phức tạp" về an ninh trật tự, đặc biệt ở các địa bàn trọng điểm về an ninh chính trị.

Với những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng qua các nghị quyết, các kỳ đại hội, vấn đề dân tộc, công tác dân tộc được tập trung vào những vấn đề cơ bản sau:

- Quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc thiểu số.

- Phát triển giáo dục, y tế, bảo tồn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất.

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái; phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc; đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

- Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc ở vùng dân tộc thiểu số.

- Vấn đề dân tộc, công tác dân tộc, nhằm mục tiêu xây dựng đất nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Như vậy, với những nội dung trên, hệ thống quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số đã mang tính toàn diện trên các lĩnh vực và phủ kín các địa bàn vùng dân tộc, miền núi. Trong đó, quan điểm, chủ trương, đường lối được sửa đổi, bổ sung thường xuyên để phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tình hình thực hiện công tác dân tộc đối với các vùng, miền hoặc các đối tượng cụ thể. Nhiều chính sách đối với đồng bào

các dân tộc đã thể hiện rõ quan điểm, tư duy đổi mới như coi trọng tính công khai, minh bạch, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương; chú trọng vai trò chủ thể thực hiện chính sách của người dân tộc thiểu số...

2. Khái quát những chính sách lớn của Trung ương

Trong thời gian qua, Trung ương đã ban hành nhiều chính sách về phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số, được thể hiện qua:

Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/1/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc là văn bản pháp quy cao nhất, quan trọng nhất được Chính phủ ban hành về công tác dân tộc với 13 nhóm chính sách để thực hiện phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số:

- (1) *Chính sách đầu tư và sử dụng nguồn lực*
- (2) *Chính sách đầu tư phát triển bền vững*
- (3) *Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo*
- (4) *Chính sách cán bộ người dân tộc thiểu số*
- (5) *Chính sách đối với người có uy tín ở vùng dân tộc thiểu số*
- (6) *Chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa*
- (7) *Chính sách phát triển thể dục, thể thao vùng dân tộc thiểu số*
- (8) *Chính sách phát triển du lịch vùng dân tộc thiểu số*
- (9) *Chính sách y tế, dân số*
- (10) *Chính sách thông tin, truyền thông*
- (11) *Chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý*
- (12) *Chính sách bảo vệ môi trường sinh thái*
- (13) *Chính sách quốc phòng, an ninh.*

Nghị định 05/2011/NĐ-CP được Chính phủ ban hành để quy định về những chính sách cơ bản đối với dân tộc thiểu số và miền núi, trong khi chưa có Luật riêng quy định về công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Nghị định 05/2011/NĐ-CP đã tạo khuôn khổ pháp luật để thống nhất nhận thức và hành động trong công tác dân tộc. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020, 2030 và ban hành Chương trình hành động để thực hiện; ban hành Chỉ thị số 28-CT/TTg về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác dân tộc, phê duyệt nhiều đề án, chương trình, chính sách dân tộc.

Một số chính sách lớn của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2010-2020

**** Về phát triển kinh tế***

- Chương trình 135: Phát triển kinh tế - xã hội các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt trên địa bàn các tỉnh vùng DTTS và miền núi.

- Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn. Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2017 - 2020...

** Về phát triển văn hóa*

- Thực hiện Chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện phát thanh, truyền hình bằng tiếng DTTS.

- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các DTTS (CTMTQG về văn hóa, nay là Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa; Việc gìn giữ tiếng nói, chữ viết của đồng bào các dân tộc được thực hiện theo luật di sản và các luật khác có liên quan).

** Về phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề*

- Phát triển toàn diện Giáo dục vùng DTTS và miền núi; Tăng cường việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS cho học sinh trong các trường phổ thông dân tộc thiểu số.

- Thực hiện chính sách xóa mù chữ, tái mù chữ cho đồng bào DTTS. Phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tạo điều kiện cho con em DTTS được học tập, ăn ở tại trường.

- Quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách với người dạy và học tại vùng DTTS và miền núi. Thực hiện đào tạo hệ cử tuyển, góp phần bổ sung nguồn nhân lực tại chỗ cho vùng DTTS và miền núi.

** Về phát triển y tế và chăm lo sức khỏe Nhân dân*

- Hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở vùng DTTS và miền núi, tăng cường cơ sở vật chất và trình độ đội ngũ y, bác sĩ.

- Hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho đồng bào DTTS ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn.

**** Về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng cán bộ, công chức, viên chức người DTTS và cùng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở vùng đồng bào DTTS và miền núi***

- Ban hành các chính sách quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng người DTTS; từng bước khắc phục tình trạng hẫng hụt nguồn cán bộ DTTS.

- Các chính sách về công tác phát triển đảng viên và xây dựng cơ sở đảng ở vùng DTTS và miền núi.

Ngày 18/11/2019, Quốc hội phê duyệt Nghị quyết số 88/2019/QH14 về Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, làm cơ sở tổ chức thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi, với mục tiêu, nhiệm vụ sau:

** Mục tiêu tổng quát*

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong vùng, đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập so với bình quân chung của cả nước; giảm dân số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

** Mục tiêu cụ thể đến năm 2025*

- Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020;

- Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào DTTS mỗi năm giảm trên 3%;

- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa. 100% số trường, lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;

- Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ DTTS đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào;

- Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%;

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 15%;

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số;

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

** Định hướng mục tiêu đến năm 2030*

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước;

- Giảm hộ nghèo xuống dưới 10%. Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn nông thôn mới;

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ;

- Phần đầu có 80% số hộ nông dân người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa;

- Xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng;

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân;

- Giải quyết căn bản tình trạng di cư không theo kế hoạch trong đồng bào dân tộc thiểu số. Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở;

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong Mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

Ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, gồm 10 dự án sau:

(1) Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt;

(2) Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết;

(3) Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị;

(4) Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc;

(5) Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

(6) Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch;

(7) Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em;

(8) Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em;

(9) Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn;

(10) Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

3. Khái quát những chính sách của Tỉnh Bình Phước

Bình Phước là tỉnh thuộc khu vực Đông Nam bộ, có 03 huyện giáp Vương quốc Campuchia với đường biên giới 258,939km, có nhiều cửa khẩu và lối mở. Dân số toàn tỉnh có 1.034.667 người, có 41 thành phần dân tộc sinh sống với 203.519 người dân tộc thiểu số (DTTS), chiếm 19,67%; sinh sống đan xen trên địa bàn 111 xã, phường, thị trấn của 11 huyện, thị xã, thành phố; chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, tập trung ở địa bàn miền núi, vùng sâu, biên giới, có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh; có 58 xã khu vực III, II, I thuộc vùng DTTS&MN, gồm: xã khu vực III: 05 xã; xã khu vực II: 03 xã; xã khu vực I: 50 xã và 25 thôn ĐBKK⁴⁹.

a) Về chủ trương, định hướng của tỉnh đối với công tác dân tộc

Chủ trương, định hướng về công tác dân tộc được thể hiện qua các kế hoạch, kết luận của Tỉnh ủy, như: Kế hoạch số 222-KH/TU ngày 03/3/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc; Kết luận số 380 - KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 – 2030; Kết luận số 260-KL/TU ngày 11/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (phiên họp thứ 22, ngày 29/11/2018) và Quyết định số 1261 - QĐ/TU ngày 28/02/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện "Chương trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng đồng bào DTTS của tỉnh giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030". Nội dung chủ yếu như sau:

- Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng; phát huy trách nhiệm của các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể trong phối hợp triển khai thực hiện công tác dân tộc.

⁴⁹ Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

- Tập trung xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh quốc phòng; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kiên trì và nhất quán thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc là các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng tiến bộ. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

- Phát huy tối đa sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc; khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường, lòng tự hào dân tộc trong cộng đồng các DTTS, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện tỉnh Bình Phước.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, ban ngành, đoàn thể cụ thể hóa các chủ trương, giải pháp về công tác dân tộc của Trung ương gắn với việc thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng đồng bào DTTS của tỉnh.

- Đầu tư phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS và MN là đầu tư phát triển bền vững, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội; là yếu tố có tính nền tảng để đảm bảo củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Khai thác tiềm năng, phát huy hiệu quả lợi thế so sánh của vùng nhằm rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển giữa vùng đồng bào DTTS và miền núi so với các vùng, địa phương khác của tỉnh; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Mỗi năm thực hiện xây dựng 1.000 km đường giao thông nông thôn và giảm 1.000 hộ nghèo là đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, rà soát, lồng ghép, tích hợp các chính sách hiện hành để nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách liên quan đến đồng bào DTTS.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người DTTS và chất lượng nguồn nhân lực vùng DTTS và miền núi.

b) Một số chính sách đặc thù của tỉnh

- *Chính sách giảm 1.000 hộ nghèo:* Tỉnh ủy Bình Phước đã triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội bền vững vùng đồng bào DTTS của tỉnh giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030. Trong đó chủ trương thực hiện hàng năm giảm 1.000 hộ nghèo DTTS ngoài chính sách dân tộc theo quy định của trung ương.

- *Chính sách đối với sinh viên, học sinh DTTS*

+ Đối với hệ thống trường dân tộc nội trú: Hỗ trợ ưu đãi mức lương, phụ cấp cho cán bộ, quản lý, giáo viên; Hỗ trợ học bổng cho học sinh có thành tích cao trong học tập; Hỗ trợ tiền điện, nước; Hỗ trợ tiền sinh hoạt phí; Hỗ trợ học sinh phổ thông là người DTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

+ Sinh viên người DTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, sinh sống ở xã, khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới (không thuộc diện đào tạo từ ngân sách nhà nước) được hỗ trợ: tiền sinh hoạt phí; tiền tàu, xe đi, về dịp hè, Tết Nguyên đán; làm luận văn báo cáo tốt nghiệp, mức hỗ trợ bằng 04 lần mức lương cơ sở; khen thưởng thành tích học tập.

- *Chính sách Bảo hiểm y tế:* Hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng người DTTS thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp có mức sống trung bình ngoài vùng kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020.

- *Chính sách đối với người có uy tín:* hỗ trợ xăng xe, bảo hiểm y tế cho người có uy tín.

- *Chính sách đối với già làng tiêu biểu:* như người có uy tín.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC

1. Kết quả thực hiện Chính sách đầu tư phát triển bền vững

1.1 Chương trình 135

Tổng kinh phí Trung ương phân bổ cho tỉnh: 139,539 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 3.521,6 triệu đồng (vốn ĐTPT: 102.256 triệu đồng; Vốn SN: 37.283 triệu đồng); riêng ngân sách tỉnh 3.521,6 triệu đồng thực hiện chung cho các hợp phần: Hỗ trợ phát triển sản xuất; Đầu tư cơ sở hạ tầng; Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn

1.2 Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn

- *Quyết định số 1592/QĐ-TTg:* Tổng kế hoạch vốn phân bổ 18.400 triệu đồng, đã thực hiện: hỗ trợ đất sản xuất cho 258 hộ; Mua sắm nông cụ, dụng cụ sản xuất cho 72 hộ; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 1.739 hộ; Hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề cho 217 hộ (thị xã Bình Long đã thực hiện vượt 72 hộ so với kế hoạch phê duyệt). Thực hiện 02 công trình nước sinh hoạt tập trung lồng ghép vào các dự án định canh, định cư theo Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- *Quyết định số 755/QĐ-TTg:* Giai đoạn năm 2016 - 2017 kế hoạch vốn đã được phân bổ là 36.305 triệu đồng, trong đó: NS tỉnh là 20.000 triệu đồng thực hiện hỗ trợ đất sản xuất cho 44 hộ, nước sinh hoạt phân tán 182 hộ và chuyển đổi ngành nghề 1.154 hộ; Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội đã phân bổ là 16.305 triệu đồng. Kết quả đã giải ngân cho 936 hộ vay vốn phát triển sản xuất, với kinh phí là 14.027 triệu đồng (mức vay bình quân 15 triệu đồng/hộ), dư nợ đến 31/5/2020 còn 5.016 triệu đồng, với 339 lượt hộ dư nợ.

- *Quyết định số 2085/QĐ-TTg:* Trong giai đoạn từ năm 2018 - 2020 đã được phân bổ 85.286 triệu đồng để thực hiện các chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ

trợ nước sinh hoạt và đầu tư các tuyến đường vào khu đất sản xuất cấp cho đồng bào DTTS nghèo theo Chương trình 134, 1592 và xây dựng đập thủy lợi...

1.3 Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư

- Đối với chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg, trong giai đoạn năm 2016 - 2017 tỉnh được phân bổ kinh phí là 46.657 triệu đồng thực hiện được 09 dự án, ổn định cho 681 hộ, trong đó đã nâng cấp láng nhựa 18km và 02 công trình đường giao thông nông thôn...

- Đối với chính sách hỗ trợ theo Quyết định 193/QĐ-TTg, tỉnh đã thực hiện các Dự án hỗ trợ di dân thực hiện định canh định cư góp phần ổn định tại chỗ cho gần 1.300 đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

1.4 Chính sách tín dụng đối với đồng bào DTTS

Hiện nay Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đang triển khai thực hiện 15 chương trình tín dụng, trong đó 11 chương trình tín dụng có đối tượng là hộ người DTTS được thụ hưởng và 03 chương trình tín dụng dành riêng cho hộ người DTTS

1.6 Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm

Từ những chính sách thiết thực nêu trên, trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2020, toàn tỉnh đã đào tạo 54.141 người, đạt 180% so với kế hoạch đề ra (30.000 người) trong đó người dân tộc thiểu số có bằng cấp chứng chỉ là 4.125 người;

Trong 02 năm 2021, 2022 toàn tỉnh đã thực hiện đào tạo được 23.645 người, đạt 157,63% kế hoạch đề ra (15.000 người), trong đó người dân tộc thiểu số có bằng cấp chứng chỉ là 6.118 người tương đương 25,87% tổng số người được đào tạo nghề; số người DTTS được giải quyết việc làm chiếm 15,95% tổng số người được giải quyết việc làm.

Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số được đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tính đến năm 2020 là 33,93% và đến năm 2022 là 35,92% đạt vượt mục tiêu kế hoạch đề ra

Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường, đến năm 2020 là 68,04% và đến năm 2022 là 70,84% đạt vượt mục tiêu kế hoạch đề ra

Góp phần duy trì tỷ lệ thất nghiệp thành thị ở mức <3,2%; Tỷ lệ thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt trên 90%, tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2022 là 62% đạt 100% kế hoạch năm.

Công tác giảm nghèo đạt được những kết quả khả quan khi tỉnh triển khai thực hiện lồng ghép các nguồn lực Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo với “Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS” của tỉnh, đã góp phần giảm nghèo được 4.687 hộ nghèo DTTS trong giai đoạn 2016 – 2020 (từ 6.490 hộ nghèo giảm còn 1.803 hộ nghèo).

1.7 Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả khả quan, tính đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 73/86 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 84,8% kế hoạch; 21 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, dự kiến quý 1 năm 2024 có thêm 6 xã có quyết định đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 72,9% kế hoạch UBND tỉnh giao.

2. Công tác Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý nguồn lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ và kết quả thực hiện Chính sách đối với cán bộ người dân tộc thiểu số

Cùng với việc thực hiện các chính sách dân tộc, chính sách đối với cán bộ người DTTS và xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian qua luôn được quan tâm. Các cấp ủy Đảng luôn chú trọng bồi dưỡng, kết nạp những người đồng bào dân tộc thiểu số ưu tú vào hàng ngũ của Đảng, đến nay tỉnh có trên 2.000 đảng viên người dân tộc thiểu số, kết quả trên đã góp phần xóa thôn, ấp không có đảng viên và tổ chức Đảng.

Công tác phát triển nguồn nhân lực, công tác quản lý, bố trí, sử dụng cán bộ là người DTTS luôn được quan tâm chú trọng. Hiện nay, tỉnh Bình Phước có gần 1.500 cán bộ công chức, viên chức (CBCC, VC) là người DTTS (trong tổng gần 25.000 CBCC, VC của tỉnh), trong đó cấp tỉnh có 219 người tương đương 2,9% tổng CBCC, VC hiện có; cấp huyện có 1.057 người tương đương 6,1% tổng CBCC, VC hiện có và cấp xã có 207 người tương đương gần 8,6% tổng CBCC, VC hiện có. Thực hiện nội dung xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc, trên cơ sở các chỉ tiêu quy định tại Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh về kế hoạch phát triển đội ngũ CBCC, VC người dân tộc thiểu số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, trong đó có đề ra số lượng CBCC, VC người dân tộc thiểu số cần tuyển dụng đảm bảo đến năm 2025 là 1024 người: cấp tỉnh là 86 người, đạt tỷ lệ 8,4%, cấp huyện là 767 người, đạt tỷ lệ 74,9%, cấp xã là 171 người, đạt tỷ lệ 16,7% trên tổng số CBCC, VC được tuyển dụng.

Nhiều cán bộ công chức, viên chức người dân tộc thiểu số được bố trí, bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo trong cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội và trên 200 Đại biểu hội đồng nhân dân các cấp. Ở cấp tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2017, tỉnh đã cử đi học đi đào tạo bồi dưỡng 70 lượt CBCC, VC người dân tộc thiểu số; thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 06 lượt cán bộ người dân tộc thiểu số diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong đó có 02 cán bộ nữ DTTS. Ngoài ra, tỉnh còn xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 3.500 lượt CBCC, VC làm công tác dân tộc và 10 lớp đào tạo, dạy tiếng dân tộc thiểu số cho các CBCC, VC tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào DTTS.

Về công tác cử tuyển được tỉnh quan tâm thực hiện, kết quả trong giai đoạn 2016 – 2022 tỉnh đã thực hiện thực hiện bố trí việc làm cho 152 sinh viên tốt nghiệp

đại học các chuyên ngành đúng vị trí việc làm, trong đó có nhiều cán bộ trẻ người dân tộc thiểu số được quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý.

3. Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo

Về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ cho con em DTTS vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới tiếp tục duy trì; công tác vận động, tuyên truyền học sinh DTTS vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới được các cấp chính quyền, các nhà tài trợ quan tâm, hỗ trợ tiếp sức cho con em đến trường. Có 11/11 huyện, thị xã, thành phố và 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 110/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; duy trì 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập Trung học phổ thông; có 144/388 trường được công nhận trường học đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 37,1%; chất lượng đội ngũ giáo viên cán bộ quản lý giáo dục ngày càng được nâng cao, số giáo viên các bậc học đạt chuẩn trở lên đạt 99,98%.

- Việc xây dựng phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được quan tâm, đầu tư mở rộng, kết quả từ năm 2016 đến nay tỉnh đã:

+ Xây dựng và thành lập mới Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Bù Đốp; chuyển địa điểm và xây dựng mới toàn bộ hệ thống cơ sở vật chất của Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Lộc Ninh đảm bảo đạt chuẩn quốc gia;

+ Thực hiện có hiệu quả việc nâng cấp đào tạo liên thông Trung học cơ sở và Trung học phổ thông tại Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS & THPT Điều Ong, đưa số Trường phổ thông Dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh lên 07 trường (01 THPT, 02 trường THCS – THPT, 04 trường THCS);

Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trẻ, học sinh, sinh viên tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020; Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 18/07/2016; Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ... được tỉnh triển khai thực hiện đầy đủ theo đúng quy định. Ngoài ra tỉnh đã ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù cho học sinh, sinh viên như: Chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí, tiền tàu xe,... cho sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang theo học hệ tập trung tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục quốc dân. Kết quả trong giai đoạn 2016 - 2020 đã thực hiện hỗ trợ cho 70 lượt sinh viên DTTS với tổng kinh phí trên 367,508 triệu đồng. Trên cơ sở kết quả đạt được, hiện nay ngoài đối tượng sinh viên dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh đã thực hiện mở rộng chính sách hỗ trợ cho sinh viên người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 03 năm trở lên tại các xã biên giới của tỉnh và các xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Chính sách ưu đãi đối với các trường chuyên và trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Bình Phước; chính sách hỗ trợ học sinh người DTTS thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Phước... nhằm tạo điều kiện tốt nhất giúp người dân ở vùng đồng bào

DTTS từng bước tiếp cận, nâng cao và thu hẹp khoảng cách mặt bằng dân trí với các khu vực khác trên địa bàn.

4. Kết quả thực hiện Chính sách đối với người có uy tín ở vùng dân tộc thiểu số

Trong giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh đã thực hiện bình xét công nhận 1.442 lượt người có uy tín trong đồng bào DTTS cụ thể như sau: năm 2016 là 349 người; năm 2017 là 351 người; năm 2018, 2019 là 374 người; năm 2020 là 368 người. năm 2022 là 267 người và 94 già làng tiêu biểu.

Việc thực hiện chính sách đối với Người có uy tín, già làng tiêu biểu được quan tâm thông qua việc thực hiện 130 hội nghị phổ biến cung cấp thông tin, 58 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến, 16 chuyến thăm quan trong tỉnh cho 449 lượt người, 10 chuyến thăm quan ngoài tỉnh, cấp 3 đầu báo, tạp chí theo định kỳ, hỗ trợ kinh phí xăng xe, bảo hiểm y tế, thăm hỏi động viên các dịp lễ tết, ốm đau hữu sự... Kết quả các Già làng, Người có uy tín đã phát huy có hiệu quả vai trò của mình trong tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước nói chung và thực hiện chính sách dân tộc nói riêng;

5. Kết quả thực hiện Chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa, thể thao và du lịch

Thực hiện hướng dẫn của Trung ương, tỉnh Bình Phước đã ban hành nhiều văn bản triển khai thực hiện công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa các dân tộc, điển hình là các hoạt động văn hóa, thông tin, xây dựng thiết chế văn hóa vùng dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện có hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương; các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được bảo tồn và phát huy, đến nay tỉnh có 41 di tích đã được xếp hạng, trong đó có 05 di tích Quốc gia đặc biệt, 11 di tích cấp quốc gia và 25 di tích cấp tỉnh và gần 60 di tích, danh thắng khác đưa vào Danh mục kiểm kê di tích đã được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó có 06 di tích liên quan đến công tác bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh (Địa điểm ghi dấu cuộc nổi dậy của đồng bào S'Tiêng, Thác Đắc Mai I, Bãi Tiên, Thác Đứng, Thác Voi, Chùa Sóc Lớn) nhằm tạo tiền đề giới thiệu quảng bá các di sản văn hóa tiêu biểu của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, nhiều đề tài, dự án nghiên cứu khoa học về văn hóa các dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện: Tổng điều tra sử thi các dân tộc trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Tổng điều tra văn hóa phi vật thể của người S'tiêng; Tổng điều tra công chiêng trên địa bàn tỉnh; Dự án “Ứng xử đối với môi trường tự nhiên của người S'Tiêng”; Dự án “Tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể của người Khmer”; Dự án phục dựng Lễ hội kết bạn của cộng đồng người M'ông; công trình sưu tầm hiện vật về văn hóa truyền thống của người Khmer, M'ông, S'tiêng, Tày, Nùng tỉnh Bình Phước; công trình biên dịch các làn điệu dân ca, sử thi và sưu tầm, phục chế các nhạc cụ của người S'tiêng; sưu tầm hiện vật là trang phục truyền thống của 06 dân tộc Chăm, Mường, Tày, Nùng, Dao, Châu Mạ...; Đề tài trang phục và âm thực truyền thống của người S'tiêng; Đề tài vai trò già làng, người có

uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Bình Phước; các loại hình văn nghệ dân gian, thể thao truyền thống và các nghi thức cổ truyền diễn ra trong các lễ hội đang được dần khôi phục, gắn kết với các hoạt động giao lưu, biểu diễn với các địa phương trong tỉnh và các tỉnh, thành khác thông qua hơn 20 kỳ Liên hoan, Hội thi, Hội diễn và cùng nhiều loại hình văn hóa khác, bước đầu đã kết nối thành các hoạt động mang tính lễ hội truyền thống của tỉnh, tạo hiệu ứng tích cực trong nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

Việc tổ chức thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; triển khai xây dựng nhà văn hóa, trung tâm học tập cộng đồng... được tỉnh quan tâm, đến nay, toàn tỉnh hiện có 07 thiết chế văn hóa cấp tỉnh; 11/11 huyện, thị xã, thành phố có trung tâm văn hóa, thể thao; 07 nhà thiếu nhi; 01 trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi; 08 thư viện; 111/111 xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa - thể thao, trong đó có 46 trung tâm văn hóa - thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. 851/861 thôn, ấp có nhà văn hóa, trong đó có 372 nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Các hoạt động văn hóa, thể thao vùng dân tộc thiểu số được chú trọng, thông qua điểm nhấn là việc tổ chức Liên hoan văn hóa, thể thao các dân tộc thiểu số cấp huyện, cấp tỉnh theo định kỳ 02 năm/lần

6. Kết quả thực hiện chính sách y tế, dân số

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh được chú trọng. Mạng lưới y tế đã được phủ kín đến tận các xã, phường, thị trấn; hoạt động y tế dự phòng được đẩy mạnh, công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tiếp tục được nâng cao. Công tác nâng cao chất lượng dân số trong cộng đồng người dân tộc thiểu số thông qua việc cung ứng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đã được triển khai rộng rãi.

Việc tuyên truyền, vận động và cung ứng các dịch vụ, biện pháp tránh thai hiện đại đến mọi đối tượng người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Các kiến thức về kế hoạch hóa gia đình, đảm bảo sức khỏe sinh sản đã được tuyên truyền phù hợp với văn hóa, tập quán, phong tục của từng dân tộc thiểu số. Công tác tầm soát dị dạng, bệnh tật bẩm sinh và kiểm soát giới tính khi sinh được triển khai thực hiện tốt. Các hoạt động về tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân, phòng chống, giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng, góp phần đưa mục giảm sinh đạt từ 0,4‰ - 0,7‰ (giai đoạn 2011 -2015) giảm xuống và duy trì mức giảm sinh 0,2‰ trong giai đoạn 2016-2020 và đã đạt mức sinh thay thế. Tỷ lệ giới tính khi sinh cơ bản duy trì ở mức 112 nam/100 nữ.

7. Kết quả thực hiện chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương về công tác PBGDPL, hàng năm tỉnh đã giao cho các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình, Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong đó tập trung phổ biến

các văn bản pháp luật mới được ban hành hoặc mới có hiệu lực thi hành, đặc biệt là các văn bản liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc và người dân tộc thiểu số đã được tổ chức thường xuyên, sâu rộng đến tận những ấp, sóc, hộ đồng bào dân tộc thiểu số bằng nhiều hình thức, biện pháp như qua sóng phát thanh, truyền hình, báo, tạp chí, qua các tổ chức hội, đoàn thể quần chúng.

Hoạt động truyền thông, trợ giúp pháp lý cho đồng bào các dân tộc thiểu số được chú trọng, đã góp phần tháo gỡ nhiều vướng mắc về pháp luật của người dân, các đối tượng được tư vấn, giải đáp kịp thời, giúp họ hiểu về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nâng cao ý thức chấp hành và tuân thủ pháp luật, góp phần xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu, hạn chế khiêu nại, khiêu kiện không đúng pháp luật.

Đồng thời, cơ quan công tác dân tộc của tỉnh đã chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phối hợp công tác dân tộc với các sở, ban, ngành, đoàn thể trong việc tổ chức tập huấn phổ biến pháp luật cho đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn, phối hợp thực hiện in phát hành hàng chục ngàn tờ gấp tuyên truyền về các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến vấn đề công tác dân tộc đang được triển khai thực hiện trên địa bàn; 1.300 cuốn tài liệu tuyên truyền về tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời thực hiện cấp 03 đầu báo Báo Bình Phước, Báo Dân tộc và Phát triển, Bản tin Dân tộc thiểu số và Miền núi tỉnh cho người có uy tín; Phối hợp cùng BTT UBMTTQVN tỉnh đã tham mưu tổ chức để lãnh đạo tỉnh gặp mặt trên 400 lượt Già làng, Người có uy tín tiêu biểu, với trên 40 lượt ý kiến, kiến nghị đề xuất với lãnh đạo tỉnh.

8. Kết quả thực hiện Chính sách quốc phòng, an ninh

Các ngành chức năng đã phối hợp chặt chẽ cùng với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện bồi dưỡng, phát triển kết nạp đảng viên người dân tộc thiểu số để làm nòng cốt trong tuyên truyền, làm rõ âm mưu thủ đoạn “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, những hoạt động lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc tôn giáo để chống đối Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc... Các cấp ngành, địa phương đã cùng với lực lượng vũ trang (Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ Đội biên phòng tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh) đã phối hợp thực hiện tốt trong công tác xây dựng phong trào toàn dân tham gia quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới; nắm chắc tình hình, quản lý chặt chẽ địa bàn, đối tượng.

Đồng thời thực hiện tốt công tác tranh thủ, phát huy vai trò của Già làng, Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền vận động nhân dân đạt nhiều thành tích đáng khích lệ góp phần đảm bảo giữ vững, ổn định tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh nói chung, vùng đồng bào DTTS nói riêng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ VIỆC HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHI MINH VỀ CHĂM LO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC TỈNH BÌNH PHƯỚC TRONG THỜI GIAN TỚI.

1. Nâng cao nhận thức về công tác dân tộc

- Triển khai kịp thời, hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia (về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030); tập trung xây dựng kế hoạch thực hiện các chương trình hằng năm cụ thể, nêu rõ trách nhiệm từng cơ quan, địa phương, đơn vị chủ động trong triển khai thực hiện. Huy động, phát huy tối đa mọi nguồn lực của xã hội lồng ghép vào thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Các cấp, các ngành thường xuyên cập nhật, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc. Trước tiên từ cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, cả hệ thống chính trị và toàn dân. Cần có quyết tâm cao hơn nữa và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, để thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng về công tác dân tộc

2. Tập trung thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi. Giai đoạn I: 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030

Chương trình với 10 dự án, tổng hợp 118 chính sách về dân tộc, là chương trình tổng lực giúp thay đổi bộ mặt và nâng cao chất lượng đời sống cho đồng bào DTTS và miền núi. Thực hiện tốt Chương trình sẽ giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi được đầu tư hoàn thiện; Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch; Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn được quan tâm đầu tư phát triển; Tăng cường Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và miền núi.

3. Thực hiện tốt chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS của tỉnh

- Thực hiện nhiệm vụ giảm 1.000 hộ nghèo là đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh hàng năm.

- Triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS; chính sách hỗ trợ đặc thù đối với già làng tiêu biểu trong đồng bào DTTS

trên địa bàn tỉnh Bình Phước; chính sách hỗ trợ sinh viên người DTTS con hộ nghèo, cận nghèo; sinh sống ở địa bàn xã khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới.

- Tăng cường biện pháp quản lý, ngăn chặn tình trạng bán điều non, vay tiền lãi suất cao, cầm cố đất, bán đất trong vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh.

- Chính sách hỗ trợ Bảo hiểm y tế cho đồng bào DTTS.

- Chính sách đối với người có uy tín, già làng tiêu biểu.

4. Tiếp tục xây dựng hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân tộc

- Chính sách, pháp luật về dân tộc được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, vẫn còn những mặt hạn chế, chưa hoàn thiện, nhất là trong tổ chức triển khai thực hiện chính sách dân tộc. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới chính sách đối với đồng bào DTTS và tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách đã được ban hành; nghiên cứu, đề xuất chính sách đặc thù phát triển toàn diện vùng DTTS và miền núi của tỉnh.

5. Thực hiện tốt chính sách cán bộ người DTTS; đổi mới nội dung, phương thức công tác dân tộc

- Củng cố, tăng cường xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, nhất là ở những vùng trọng điểm, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn. Chú trọng hơn nữa công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên là người DTTS.

- Đẩy mạnh việc quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý cán bộ người DTTS trong thời kỳ mới theo quy định. Đồng thời, có chính sách đặc thù trong việc tuyển dụng công chức, viên chức đối với người DTTS, nhất là nhóm DTTS rất ít người, nhóm DTTS còn nhiều khó khăn. Chú trọng phát hiện, quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thực hiện tốt chính sách sử dụng, đãi ngộ cán bộ người DTTS.

- Đổi mới tổ chức bộ máy, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ở vùng dân tộc và miền núi. Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch trong việc chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng thời, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự./.